

BẢNG SO SÁNH THÔNG TƯ SỐ 05/2018/TT-BGTVT VÀ DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<i>Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i>	
<i>Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;</i>	<i>Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;</i>	Cập nhật văn bản QPPL thay thế.
<i>Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;</i>	<i>Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;</i>	Cập nhật văn bản QPPL thay thế.
<i>Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;</i>		
<i>Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i>		Cập nhật văn bản QPPL thay thế và chuyển lên làm căn cứ thứ nhất
	<i>Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số /BNV-TCBC ngày / /2023 về việc ...;</i>	Bổ sung căn cứ ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ để đảm bảo thủ tục quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
<i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;</i>	Giữ nguyên	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
<i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.</i>	<i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.</i>	Chỉnh sửa tên Thông tư cho phù hợp với nhiệm vụ được Chính phủ giao cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Thông tư này hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý).	Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc <i>ngành</i> , lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý), <i>mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý.</i>	Chỉnh sửa lại nội dung cho đầy đủ theo các nhiệm vụ được giao tại khoản 3, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập), <u>bao gồm: sát hạch lái xe, đăng kiểm xe cơ giới và các dịch vụ sự nghiệp công khác thuộc lĩnh vực giao thông vận tải</u> (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp	1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc <i>ngành</i> , lĩnh vực giao thông vận tải (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong lực lượng vũ trang nhân dân).	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung từ “<i>ngành</i>” cho phù hợp với tên Thông tư. - Bỏ cụm từ “<i>bao gồm: sát hạch lái xe, đăng kiểm xe cơ giới và các dịch vụ sự nghiệp công khác thuộc lĩnh vực giao thông vận tải</i>” để tránh việc liệt kê không hết các mảng nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong lực lượng vũ trang nhân dân).		
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.	2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.	Bổ sung cụm từ “ <i>thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải</i> ” cho đầy đủ.
Chương II THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ	Chương II THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ	
Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thành lập	Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thành lập	
<p>1. Nguyên tắc thành lập:</p> <p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị;</p> <p>b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý, trường hợp cần thiết, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định việc thành lập Hội đồng quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.</p>	<i>Nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).</i>	Chỉnh sửa lại theo hướng dẫn chiếu đến quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL (“ <i>Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác</i> ”).
<p>2. Điều kiện thành lập:</p> <p>Các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp và được cơ quan có thẩm quyền công</p>		

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
nhận, quyết định giao tài sản theo quy định của pháp luật.		
Điều 4. Thủ tục thành lập	Điều 4. Thủ tục thành lập	
<p>Đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Thông tư này để được xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý. Thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>1. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị thành lập gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);</p> <p>b) Đề án thành lập Hội đồng quản lý;</p> <p>c) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;</p> <p>đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);</p> <p>e) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).</p>	<p>Bổ sung quy định cụ thể về hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý để thống nhất việc thực hiện.</p>
Điều 5. Đề án thành lập	Điều 5. Đề án thành lập	
<p>Đề án thành lập Hội đồng quản lý do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập. Nội dung Đề án thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2016/TT-BNV</p>	<p>1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập Hội đồng quản lý.</p> <p>2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.</p>	<p>Bổ sung hướng dẫn cụ thể nội dung Đề án để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cho thống nhất.</p>

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
ngày 25/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.	<p>3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý; nhiệm vụ cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý.</p> <p>4. Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;</p> <p>5. Kiến nghị của đơn vị đề nghị thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);</p> <p>6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).</p>	
Điều 6. Thẩm quyền quyết định thành lập	Điều 6. Thẩm quyền quyết định thành lập	
Bộ trưởng quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.	Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.	Chỉnh sửa theo hướng dẫn chi tiết đến quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
<p align="center">Chương III</p> <p align="center">CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ</p>	<p align="center">Chương III</p> <p align="center">CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ</p>	
Điều 7. Vị trí và chức năng	Điều 7. Vị trí và chức năng	
<p>1. Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>2. Hội đồng quản lý quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, tài chính và công tác nhân sự; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>1. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>2. Hội đồng quản lý quyết định chiến lược, chủ trương, kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và các vấn đề quan trọng khác của</p>	Chỉnh sửa, bổ sung từ ngữ cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<i>đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật</i> ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nghị quyết đã đề ra.	
Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn	Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn	
1. Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.	<i>Giữ nguyên</i>	
2. Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
3. Quyết định chủ trương về xây dựng tổ chức bộ máy, <u>tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động; tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động các nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.</u>	3. Quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.	Tách nội dung về <i>nhân sự, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất</i> tại khoản này để chuyển sang khoản khác; đồng thời chuyển nội dung về <i>thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập</i> tại khoản 9 lên khoản này để thống nhất theo từng mảng nhiệm vụ.
4. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ của đơn vị sự nghiệp công lập.	4. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ; <i>quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động</i> của đơn vị sự nghiệp công lập.	Bổ sung nhiệm vụ “ <i>quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động</i> ” cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
5. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	5. <i>Kiểm tra</i> , giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, <i>kế hoạch</i> , việc triển khai quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	Chỉnh sửa, bổ sung từ ngữ cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
6. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính	6. <i>Quyết định chủ trương về nhân sự (trừ số lượng người làm việc thực hiện theo quy định của</i>	Chỉnh sửa, bổ sung từ ngữ cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.	<i>pháp luật về viên chức) đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định và theo phân cấp; đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ chính sách đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.</i>	số 120/2020/NĐ-CP.
7. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	<i>Giữ nguyên</i>	
8. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	<i>Giữ nguyên</i>	
9. <u>Thông qua việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập</u> ; đề án xác định vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.	9. Thông qua đề án vị trí việc làm <i>và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm</i> của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển nhiệm vụ, quyền hạn “<i>Thông qua việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập</i>” lên khoản 3 Điều này cho thống nhất về nội dung. - Chính sửa, bổ sung từ ngữ cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6¹, khoản 1 Điều 9² và Điều 11³ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp

¹ “... người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua”.

² “.. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị”.

³ “... Trình tự, hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này”.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
		công lập.
10. Thông qua kế hoạch tài chính, mức phí của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.	<i>Giữ nguyên</i>	
	11. Quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	Bổ sung khoản này cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
Điều 9. Cơ cấu tổ chức	Điều 9. Cơ cấu tổ chức	
1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch và các thành viên.	1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, <i>Thư ký</i> và các thành viên khác. <i>Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng quản lý có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý.</i>	Bổ sung nội dung Hội đồng quản lý có Thư ký và có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.
2. Cơ cấu Hội đồng quản lý gồm có:	2. Thành phần Hội đồng quản lý	
	<i>a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;</i>	Chuyển nội dung tại điểm b của quy định hiện hành lên thành điểm a, đồng thời chỉnh sửa cho phù hợp.
	<i>b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có);</i>	Bổ sung cho thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều này.
	<i>c) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên và cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập (trong</i>	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<i>trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp);</i>	
a) Người đứng đầu, một số cấp phó của người đứng đầu, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn, đại diện một số phòng, ban của đơn vị sự nghiệp công lập;	d) Đại diện cấp ủy đảng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có). Trường hợp không có tổ chức trực thuộc thì cử đại diện viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập tham gia Hội đồng quản lý;	
b) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm đại diện của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.		Chuyển lên thành điểm a khoản này.
	<i>đ) Thư ký Hội đồng.</i>	Bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế.
	<i>3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản lý quy định tại điểm d khoản 2 Điều này phải nhỏ hơn 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý.</i>	Bổ sung khoản này.
	<i>4. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định.</i>	Bổ sung khoản này.
Điều 10. Cơ chế hoạt động	Điều 10. Chế độ làm việc	
1. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo	1. <i>Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội</i>	Chỉnh sửa lại từ ngữ cho phù hợp.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
<p>yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.</p> <p>2. Quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng quản lý đồng ý.</p>	<p><i>đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự nhất trí thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.</i></p> <p><i>2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (khi được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền) điều hành cuộc họp.</i></p>	
	<p><i>3. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Hội đồng quản lý là công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; các thành viên Hội đồng quản lý là viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm và được xác định trong Đề án thành lập Hội đồng quản lý.</i></p>	Bổ sung khoản này.
<p>3. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ của mình.</p>	<p><i>4. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.</i></p>	Chỉnh sửa lại từ ngữ cho phù hợp.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản lý được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo tương đương người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; phụ cấp cho các thành viên khác trong Hội đồng quản lý được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, phụ cấp chức vụ của Chủ tịch và phụ cấp cho các thành viên (nếu có) được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.</p>		<p>Bỏ khoản này.</p>
<p>5. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.</p>	<p>5. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.</p>	<p>Chỉnh sửa lại cho phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 11. Quan hệ công tác</p>	<p>Điều 11. Quan hệ công tác</p>	
<p>1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:</p> <p>a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý.</p>	<p><i>Giữ nguyên</i></p>	
<p>2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:</p>	<p>2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:</p>	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;	<i>Giữ nguyên</i>	
b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên;	b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo <i>cơ quan quản lý cấp trên các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập</i> ;	Đảo lại từ ngữ cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.	<i>Giữ nguyên</i>	
3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 12. Quy chế hoạt động	Điều 12. Quy chế hoạt động	
1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:	1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:	
a) Các quy định chung;	<i>Giữ nguyên</i>	
	<i>b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;</i>	Bổ sung điểm này cho đầy đủ.
	<i>c) Số lượng, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý;</i>	Bổ sung điểm này cho đầy đủ.
b) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên;	<i>d) Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, thay đổi, miễn nhiệm, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý;</i>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
c) Cơ chế hoạt động;	<i>đ) Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý;</i>	Bổ sung cụm từ “ <i>của Hội đồng quản lý</i> ” cho đầy đủ.
d) Quan hệ công tác;	<i>e) Mỗi quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên và với người đứng</i>	Bổ sung cụm từ “ <i>giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên và với người</i>

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<i>đầu đơn vị sự nghiệp công lập;</i>	<i>đình đầu đơn vị sự nghiệp công lập”</i> cho phù hợp với quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
đ) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có).	g) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.	Bỏ cụm từ “(nếu có)”.
2. Hội đồng quản lý xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.	<i>Giữ nguyên</i>	
	Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý	Gộp nội dung Điều 13, Điều 14 tại Chương IV của quy định hiện hành lên thành Điều 13 của Chương này cho thống nhất quy định về nhiệm vụ, quyền hạn; đồng thời có chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.
	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản lý:</p> <p>a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng quản lý;</p> <p>b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;</p> <p>c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;</p> <p>d) Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;</p> <p>đ) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả quản lý điều hành</p>	Giữ nguyên nội dung tại Điều 13 của quy định hiện hành.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<p>của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>e) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8 Thông tư này;</p> <p>g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.</p>	
	<p>2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có):</p> <p><i>a) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được Hội đồng quản lý và Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công;</i></p> <p><i>b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành Hội đồng quản lý và ký các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;</i></p> <p><i>c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.</i></p>	<p>Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Thư ký Hội đồng quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.</p>
	<p>3. Thư ký Hội đồng quản lý:</p> <p><i>Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều này và trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý những nhiệm vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;</i></p>	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<p><i>b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan có liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý;</i></p> <p><i>c) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao và theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.</i></p>	
	<p>4. Nhiệm vụ, quyền hạn <i>của thành viên khác</i> của Hội đồng quản lý:</p>	<p>Bổ sung cụm từ “<i>của thành viên khác</i>” để phân biệt với các thành viên đã nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này.</p>
	<p>a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;</p> <p>b) Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;</p> <p>c) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung tại Điều 14 của quy định hiện hành.</p>
<p>Chương IV NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ</p>	<p>Chương IV TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ</p>	<p>- Bỏ nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn do đã chuyển lên Chương III của dự thảo Thông tư.</p>
<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý</p>		<p>Chuyển nội dung tại Điều này lên Điều 13 Chương III của dự thảo Thông tư.</p>
<p>1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng</p>		

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
<p>quý và hàng năm của Hội đồng quản lý.</p> <p>2. Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.</p> <p>3. Triệu tập và chủ trì cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.</p> <p>4. Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.</p> <p>5. Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>6. Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8 Thông tư này.</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.</p>		
<p>Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý</p>		<p>Chuyển nội dung tại Điều này lên Điều 13 Chương III của dự thảo Thông tư.</p>
<p>1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.</p> <p>2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý.</p> <p>3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.</p> <p>4. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo</p>		

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.		
Điều 15. Tiêu chuẩn của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý	Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý	Chỉnh sửa lại tên Điều cho phù hợp với tên Chương IV.
1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, <i>điều kiện</i> sau:	Bổ sung cụm từ “ <i>điều kiện</i> ”.
a) Là công chức hoặc viên chức và đủ tuổi công tác ít nhất trọn một nhiệm kỳ;	<i>Giữ nguyên</i>	
b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;	<i>Giữ nguyên</i>	
c) Không trong thời gian thi hành kỷ luật;	c) Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật <i>hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật</i> ;	Sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ.
d) Có trình độ từ đại học trở lên;	d) Có trình độ từ đại học trở lên <i>phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị</i> ;	Chỉnh sửa từ ngữ cho phù hợp.
đ) Có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn hoặc quản lý;	<i>Giữ nguyên</i>	
e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;	<i>Giữ nguyên</i>	
g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.	<i>Giữ nguyên</i>	
2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và tiêu	2. Chủ tịch Hội đồng quản lý: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1	Chỉnh sửa, bổ sung từ ngữ cho đầy đủ và tách thành điểm a, điểm b.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
chuẩn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.	Điều này; b) <i>Có năng lực quản lý</i> và đáp ứng các tiêu chuẩn như người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập <i>theo quy định của pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.</i>	
Điều 16. Bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý	Điều 15. Thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý	
1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm.	1. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý <i>do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.</i>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý là 05 (năm) năm.	2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý <i>không quá</i> 05 (năm) năm.	Chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.
3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.	<i>Bỏ khoản này</i>	Khoản 3, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP không giao Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn về trình tự, thủ tục bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.
Điều 17. Miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý	Điều 16. Điều kiện miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý	Sửa lại tên Điều cho phù hợp và bảo đảm tính thống nhất.
1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	
a) Cá nhân có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;	<i>Giữ nguyên</i>	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
<p>b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;</p> <p>d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;</p> <p>đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;</p> <p>e) Mắc các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;</p>		
	<i>g) Chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, thôi việc theo quy định;</i>	Bổ sung điểm g cho phù hợp với tình hình thực tế.
g) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.	<i>Giữ nguyên nội dung và đổi thành điểm h.</i>	
2. Hội đồng quản lý có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định. Hồ sơ gồm có: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm và các văn bản, minh chứng liên quan.	<i>Bỏ khoản này</i>	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP chỉ giao bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn về điều kiện miễn nhiệm mà không giao hướng dẫn trình tự, thủ tục miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.
3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của đơn vị, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm ra quyết định miễn nhiệm; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.	Chỉnh sửa lại cho phù hợp.

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 18. Trách nhiệm thực hiện		Gộp nội dung tại Điều 18 và Điều 20 của quy định hiện hành thành Điều 18 của dự thảo Thông tư.
<p>1. Trách nhiệm của các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải:</p> <p>a) Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này;</p> <p>b) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý; phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật.</p>		
<p>2. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập:</p> <p>Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý theo tại Thông tư này và quy định pháp luật.</p>		
Điều 19. Hiệu lực thi hành	Điều 17. Hiệu lực thi hành	
Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.	1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ...	
	2. Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn	

Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30/01/2018	Dự thảo Thông tư thay thế	Ý kiến đề xuất và căn cứ pháp lý hoặc lý do đề xuất
	<i>vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.</i>	
	<i>3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.</i>	Bổ sung khoản này.
Điều 20. Tổ chức thực hiện	Điều 18. Trách nhiệm thi hành	
1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này.	1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, <i>cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập</i> , Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc <i>ngành</i> , lĩnh vực giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	Gộp khoản 1 và khoản 2, đồng thời chỉnh sửa lại từ ngữ để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.	2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, <i>tổ chức, cá nhân</i> phản ánh <i>bằng văn bản</i> về Bộ Giao thông vận tải để hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.	
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết theo quy định./.		